TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 128/2020/QĐST-HNGĐ	*Thị xã Phú Thọ,ngày 11 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 148/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Ngọc B**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 7, xã P, thị xã P, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Hà Anh T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Đầm Hồng 2, xã N, huyện C, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Ngọc B và anh Hà Anh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc B và anh Hà Anh T thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Bùi Thị Ngọc B và anh Hà Anh T đều xác nhận có 03 con chung là cháu Hà Tường V, sinh ngày 17/10/2010, cháu Hà Phước N sinh ngày 29/9/2013 và cháu Hà Phúc N sinh ngày 29/9/2013. Khi ly hôn hai bên tự nguyện thỏa thuận chị B trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu Hà Tường V, cháu Hà Phước N sinh và cháu Hà Phúc N kể từ tháng 11/2020 cho đến khi các cháu thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị B, do chị B không yêu cầu.

Chị B và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị B và anh T đều tự nguyện thỏa thuận, không đề nghị tòa án giải quyết nên tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

* Về án phí: Chị Bùi Thị Ngọc B tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002565 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị Ngọc B số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND Thị xã Phú Thọ;*
- *Chi cục THADS TX Phú Thọ;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã N, huyện C;*
- *hồ sơ vụ án, VP;*

THẨM PHÁN

Trần Hưng T